

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƠN THÀNH
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Bản án số: 42/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 30-7- 2018

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ung Thị Ngọc Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Xuân Đỉnh

2. Ông Nguyễn Việt Thành

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Ngọc là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Toàn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 99/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2018 về Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị H, sinh năm 1978 (có mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Hoàng Xuân A, sinh năm 1974 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: Tổ 7, ấp 3, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 30 tháng 3 năm 2018, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa xét xử nguyên đơn bà Trần Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông Hoàng Xuân A chung sống với nhau vào năm 1998 có đăng ký kết hôn tại Nông trường C, huyện N, tỉnh S theo đúng quy định pháp luật. Trước khi chung sống cả hai đều còn độc thân. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm, vợ chồng hay cãi vã nhau. Từ năm 2015 đến nay thì vợ chồng mâu thuẫn ngày càng gay gắt nên đã sống ly thân hơn một năm nay. Nay bà H thấy cuộc sống chung không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với ông A

Về con chung: Quá trình chung sống bà H và ông A có 02 con chung tên Hoàng Xuân P sinh năm 1998 và Hoàng Đức K, sinh ngày 19/02/2007. Nay ly hôn

bà H yêu cầu được nuôi cháu K, không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu P đã trưởng thành nên bà H không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết về nuôi dưỡng cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà H không yêu cầu tòa giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Hoàng Xuân A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông A thống nhất với lời trình bày của bà H về điều kiện chung sống, điều kiện kết hôn nhưng về mâu thuẫn vợ chồng thì ông A không thống nhất. Ông A cho rằng trong cuộc sống vợ chồng đôi khi có mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, cãi vã nhau nhưng theo ông A thì chẳng có gì gay gắt cả. Nhiều khi vợ chồng có lời qua tiếng lại cãi nhau nhưng ông A bỏ mặc không thèm tranh cãi, ông A không muốn nhắc tới để vợ ông môn lam gì thì làm. Ông A thừa nhận vợ chồng có sống ly thân hơn một năm nay. Nay bà H yêu cầu ly hôn thì ông A không đồng ý, ông A cần thời gian để suy nghĩ và để vợ chồng ông thương lượng với nhau.

Về con chung: Ông A thống nhất quá trình chung sống bà H và ông A có 02 con chung tên Hoàng Xuân P sinh năm 1998 và Hoàng Đức K, sinh ngày 19/02/2007. Nay ly hôn bà H yêu cầu được nuôi cháu Khải thì ông A đồng ý giao cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con ông A không có ý kiến gì. Đối với cháu P đã trưởng thành nên ông A thống nhất với bà H không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết về nuôi dưỡng cấp dưỡng.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn: Bà H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không cung cấp bổ sung thêm chứng cứ tài liệu nào khác.

- Bị đơn: Ông A vắng mặt đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2018, quyết định hoãn phiên tòa số 41/2018/QĐST-HNGĐ ngày 02/7/2018 và thông báo về việc hoãn phiên tòa số 08/TB-TA ngày 19/7/2018 nhưng ông A vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành phát biểu ý kiến

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến nay nhận thấy Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của BLTTDS về thủ tục nhận đơn, thụ lý vụ án, thời hiệu khởi kiện, quan hệ pháp luật, thẩm quyền thụ lý vụ án, về tư cách tố tụng, thu thập chứng cứ, thủ tục tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thủ tục tổng đạt văn bản tố tụng, thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định đưa vụ án xét xử, chuyển hồ sơ và quyết định xét xử cho Viện kiểm sát

Về việc chấp hành theo quy định pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa: thực hiện đúng các quy định tại các điều 239, 240, 241, 243, 244, 247, 248, 249, 250, 254, 258, 260 BL TTDS

Về việc chấp hành theo quy định của pháp luật của các đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tại các Điều 70, 71, 73 BLTTDS. Bị đơn không thực hiện đầy đủ các quy định tại các điều 70, 72 BLTTDS

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành tham gia phiên tòa đề nghị HĐXX:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Căn cứ khoản 1 Điều 9, Điều 56, Điều 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị cho bà Trần Thị H được ly hôn với ông Hoàng Xuân A. Về con chung: Giao con chung tên Hoàng Đức K, sinh ngày 19/02/2007 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Về án phí bà H phải nộp theo quy định pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

{1)} Theo đơn khởi kiện và yêu cầu tại phiên tòa của nguyên đơn bà Trần Thị H, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo quy định tại Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do bị đơn ông Hoàng Xuân A có nơi cư trú tại Tổ 7, ấp 3, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn ông Hoàng Xuân A nhưng do ông A đã được Tòa án nhiều triệu tập để giải quyết vụ án và xét xử nhưng ông A vắng mặt không có lý do chính đáng do đó căn cứ khoản 3 Điều 228 Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

{2} Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị H, Hội đồng xét xử xét thấy:

{2.1} Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị H và ông Hoàng Xuân A tự nguyện sống chung với vào năm 1998 có đăng ký kết hôn tại Nông trường M, huyện N, tỉnh S nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay bà H cho rằng vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm, vợ chồng hay cãi vã nhau. Từ năm 2015 đến nay thì vợ chồng mâu thuẫn ngày càng gay gắt nên đã sống ly thân hơn một năm nay, bà H nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông A. Bị đơn ông A không đồng ý ly hôn và cho rằng vợ chồng ông bà không mâu thuẫn gay gắt, ông cần thời gian để vợ chồng thương lượng với nhau. Xét thấy, việc ông A không đồng ý ly hôn nhưng ông A thừa nhận vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, vợ chồng ông bà đã sống ly thân hơn một năm nay. Do đó, hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định bà H và ông A đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, nên cần chấp nhận yêu cầu của bà H, cho bà H được ly hôn với ông A.

{2.2} Về nuôi con chung: Quá trình chung sống bà H và ông A có 02 con chung tên Hoàng Xuân P sinh năm 1998 và Hoàng Đức K, sinh ngày 19/02/2007. Bà H yêu cầu được nuôi cháu, không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu P đã trưởng thành nên bà H không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết về nuôi dưỡng cấp dưỡng. Ông A cũng thống nhất với bà H về việc cháu P đã trưởng không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết về nuôi dưỡng cấp dưỡng, còn đối với cháu P ông A cũng đồng ý giao cháu Khải cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng

nuôi con ông A không có ý kiến gì. Đồng thời, tại biên bản lấy lời khai ngày 14/6/2018 (BL số 29) cháu Hoàng Đức K có nguyện vọng được ở với mẹ. Xét thấy, đây là sự thỏa thuận của các đương sự phù hợp với các quy định của pháp luật cũng như phù hợp với nguyện vọng của con trên 9 tuổi nên cần được chấp nhận.

{2.3} Về tài sản chung, nợ chung: Bà H không yêu cầu giải quyết.

{2.4} Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn chị bà Trần Thị H phải chịu là 300.000 đồng.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 143, Điều 217, Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

1. *Về hôn nhân:* Cho bà Trần Thị H được ly hôn với ông Hoàng Xuân A

2. *Về nuôi con chung:* Giao con chung tên Hoàng Đức K, sinh ngày 19/02/2007 cho bà Trần Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung.

3. *Về án phí hôn nhân sơ thẩm:* Bà Trần Thị H phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009306 ngày 04/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Chơn Thành;
- Chi cục THADS huyện Chơn Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ung Thị Ngọc Thanh

